

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2025/DS-ST
Ngày: 23-05-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn;
- Bà Ngô Thị Diệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 817/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1982; đại chỉ: 4 khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: tổ F, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai và bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1993; địa chỉ: 2 phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2025), có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Kim P, sinh năm 1977; địa chỉ: C đường số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 18/10/2024 lời khai trong quá trình tố tụng, và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Vũ Thị T và bà Nguyễn Thị Hồng H1 thống nhất trình bày:

Ngày 21/01/2024 bà Phạm Thị H và bà Huỳnh Kim P có ký biên bản thỏa thuận xác nhận công nợ. Nội dung của biên bản thể hiện bà P vay bà H số tiền là 1.550.000.000 đồng. Từ tháng 7/2023 đến ngày 21/01/2024 bà P đã trả được cho bà H số tiền 1.065.663.000 và tiền lãi là 253.037.000 đồng. Số tiền bà P còn nợ lại bà H là 484.337.000 đồng. Tại biên bản thỏa thuận nêu trên có thể hiện bà P xin gia hạn thời gian trả số tiền nợ còn lại đến ngày 30/3/2024. Tuy nhiên, quá thời hạn trên, bà P vẫn không trả cho bà H số tiền nợ đã nêu.

Nhận thấy, hành vi của bà P đã vi phạm nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận với nhau xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Nay bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An buộc bà Huỳnh Kim P thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ cho bà H là: 484.337.000 đồng và tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 31/3/2024 đến ngày tòa án xét xử vụ án là 23/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm; tương đương 0,0083%/tháng với số tiền là: $484.337.000 \times 0,0083\%/tháng \times 13$ tháng 22 ngày = 52.739.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi bà P phải trả cho bà H là: 537.076.000 (năm trăm ba mươi bảy triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Lý do trên biên bản thỏa thuận xác nhận công nợ ghi nhầm từ “*Phạm Thị H*” thành “*Phạm Thúy H2*” là do biên bản được chốt nợ là đánh máy riêng phần ghi tên trên biên bản là chữ viết của bà P nên bà P đã viết nhầm tên bà H2 từ “*Thị Hằng*” thành “*Thúy Hằng*” còn phần ký tên vào đại diện bên B là chữ ký và chữ viết của bà Phạm Thị H nên bà H đã viết là “*Phạm Thị H*”.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị T và bà Nguyễn Thị Hồng H1 xác định: Bà Phạm Thị H xác định bà và chồng đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số:734/2023/QĐCNKQHGT – HNGĐ ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên khoản nợ trên không liên quan gì đến chồng bà. Còn đối với chồng của bà Huỳnh Kim P thì quá trình giao dịch bà H cho bà P vay tiền bà H chỉ biết bà P hiện này đang cư trú tại địa chỉ: C đường số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương ngoài ra không biết chồng bà P là ai nên chỉ yêu cầu bà Huỳnh Kim P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền còn nợ nêu trên.

Bị đơn bà Huỳnh Kim P: Đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu bà P có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P không có ý kiến gì và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được Tòa án thông báo tham gia phiên tòa vào các ngày 28/4/2025 và ngày 23/5/2025 nhưng bà Huỳnh Kim P đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định giữa bà Phạm Thị H và bà Huỳnh Kim P có ký kết biên bản thỏa thuận xác nhận công nợ ngày 21/01/2024, biên bản trên thể hiện đến ngày 03/12/2023 thì bà P còn nợ bà H số tiền là: 484.337.000 đồng và bà P trình bày “*vì làm ăn khó khăn nên xin H tới 30/3/2024 sẽ trả không lãi xuất*”.

Đại diện nguyên đơn tại phiên tòa xác định nội dung bà P viết nêu trên là xin bà H đến ngày 30/3/2024 sẽ trả hết số tiền trên và không trả tiền lãi. Mặc dù đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng bà P vẫn không trả lại số tiền nêu trên cho nguyên đơn.

[2.1] Về sự sai sót thông tin được ghi trên biên bản thỏa thuận xác nhận công nợ ngày 21/01/2024: Tại phần tên của bên cho vay ghi bằng tay thể hiện: “*Bên B bao gồm: “Phạm Thúy H2; Sinh ngày 09/02/82; Số CMTND 038182019889”* và phần tên đánh máy thể hiện “*...được bà Phạm Thúy H2 Chuyển vào tài khoản của bà P*”. Tại phần ký tên đại diện bên B là Phạm Thị H. Đối với nội dung này Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ theo tài liệu là Căn cước công dân (bút lục 06) bà H cung cấp thì số là Căn cước công dân trên căn cước công dân của bà H và số căn cước công dân được ghi trên bản thỏa thuận xác nhận công nợ ngày 21/01/2024 được xác định là bà Phạm Thị H.

Đối với bị đơn, theo kết quả xác minh của Công an phường A, thành phố D thì bà Huỳnh Kim P hiện nay vẫn sinh sống tại địa chỉ C đường số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ... nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Bị đơn có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Kim P phải trả lại số tiền đã còn nợ là 484.337.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu thanh toán lãi do chậm trả: Căn cứ vào nội dung của biên bản thỏa thuận xác nhận công nợ ngày 21/01/2024 thì hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị H và bà Huỳnh Kim P là hợp đồng vay có lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không yêu cầu áp dụng mức lãi suất được ghi trong biên bản thỏa thuận vì cho rằng không phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/năm.

Tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định : “ 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”...

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi do chậm trả kể từ ngày 31/3/2024 đến ngày 23/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 với số tiền lãi là: 52.739.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 238, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 và Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H với bị đơn bà Huỳnh Kim P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Huỳnh Kim P thanh toán cho bà Phạm Thị Hằng S tiền 537.076.000 đồng (năm trăm ba mươi bảy triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng. (Trong đó: 484.337.000 nợ gốc và 52.739.000 đồng tiền nợ lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim P phải chịu 25.483.000 (hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An trả lại cho bà Phạm Thị Hằng S tiền 13.133.939 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số:0001931 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

